

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế
trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 31**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thỏa thuận quốc tế ngày 13 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng
12 năm 2016 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
số 64/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2021 về ký kết và thực hiện thỏa thuận
quốc tế nhân danh tổng cục, cục thuộc bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan chuyên
môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện; Ủy ban nhân
dân cấp xã ở khu vực biên giới; cơ quan cấp tỉnh của tổ chức; số 65/2021/NĐ-
CP ngày 30 tháng 6 năm 2021 về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước
bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế;*

*Căn cứ Thông tư số 43/2022/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà
nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế;*

*Xét Tờ trình số 19/TTr-UBND ngày 04 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định mức chi bảo đảm cho công tác thỏa
thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế -
Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng
nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức chi bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế trên địa bàn
tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- c) Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- d) Các tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia vào quá trình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Mức chi

1. Mức chi cho các nội dung chi đã có văn bản quy định chế độ, định mức chi tiêu: Thực hiện theo các chế độ quy định hiện hành, cụ thể:

a) Chi tổ chức các cuộc họp, hội nghị, công tác phí trong nước: Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi.

b) Chi công tác phí nước ngoài: Thực hiện theo mức chi quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

c) Chi rà soát liên quan đến thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm b khoản 2 Điều 6 và điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế: Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

d) Chi dịch thuật, chi đón các đoàn nước ngoài vào làm việc: Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Nghị quyết số 18/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 2 Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

đ) Chi tuyên truyền, phổ biến thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm a khoản 4 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP: Thực hiện theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Các khoản chi khác

- a) Các khoản chi đóng góp tài chính theo thỏa thuận quốc tế quy định tại

điểm b khoản 4 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP: Thực hiện theo quy định của thỏa thuận quốc tế được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chi phí sao lục, in ấn tài liệu; chi mua, thu thập tài liệu; chi mua văn phòng phẩm phục vụ trực tiếp cho soạn thảo thỏa thuận quốc tế; các khoản chi phí khác phát sinh phục vụ trực tiếp công tác thỏa thuận quốc tế: Thực hiện theo thực tế phát sinh trên cơ sở các hóa đơn chứng từ hợp pháp, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

3. Đối với các nội dung chi có tính chất đặc thù bảo đảm cho công tác thỏa thuận quốc tế (tính cho sản phẩm cuối cùng bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý, do cơ quan được giao chủ trì thực hiện các công việc của thỏa thuận quốc tế thực hiện) được quy định như sau:

a) Việc xây dựng các loại hồ sơ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP gồm: Hồ sơ trình về đề xuất ký kết thỏa thuận quốc tế; hồ sơ trình về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện thỏa thuận quốc tế: 10.000.000 đồng/1 bộ hồ sơ.

b) Chi soạn thảo mới dự thảo thỏa thuận quốc tế quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP: 5.000.000 đồng/văn bản.

c) Báo cáo về tình hình ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 6 Nghị định số 65/2021/NĐ-CP: Báo cáo theo chuyên đề hoặc đột xuất theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền: 3.000.000 đồng/báo cáo.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện công tác thỏa thuận quốc tế do ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của cơ quan, đơn vị; nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Các nội dung khác liên quan đến công tác thỏa thuận quốc tế không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo Thông tư số 43/2022/TT-BTC ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác điều ước quốc tế và công tác thỏa thuận quốc tế.

4. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII

Kỳ họp thứ 31 thông qua ngày 19 tháng 02 năm 2025 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Ngoại giao, Tài chính;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP ĐDBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các phòng, CV;
- Lưu: VT, KTNS(dtkhoi).

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân